TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 654/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-11-2019
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Tịnh;

- Ông Nguyễn Minh Phương;

Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Xuân Hà

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên toà: Bà Trương Võ Thùy Dung

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 (số 172 Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 654/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1) Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Cẩm N, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp Long Đ, xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; có mặt

2) Bị đơn: Ông Hồ Tín Phước D, sinh năm 1967; địa chỉ: 26C/2 Lạc Long Q, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Cẩm N trình bày:

Bà Huỳnh Thị Cẩm N và ông Hồ Tín Phước D là vợ chồng hợp pháp với nhau theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 93/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03/5/2012;

Vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng trong cuộc sống. Chúng tôi không hợp nhau và có nhiều khác biệt trong lối sống, suy nghĩ. Dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không được.

Tháng 09/2018, bà N có nộp đơn xin ly hôn với ông D tại Tòa án Quận 11, đến tháng 11 được Tòa án giải quyết hòa giải, bà N rút đơn để hai bên có thời gian hàn gắn tình cảm để lo cho con chung.

Tuy nhiên, thời gian sau khi rút đơn hai bên không thể nào sống chung lại được. Nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai bên đã quá trầm trọng không còn hàn gắn được, bà N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông D để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Hoàng T, sinh ngày 18/03/2012. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng ý kiến của ông D về yêu cầu bà N hoàn trả với số tiền 17.000.000đ là tiền bán chiếc xe của ông D. Ý kiến yêu cầu này bà N không đồng ý, vì bà N không biết số tiền này là tiền gì; ông D có bán xe nào hay không, bán xe gì, bán bao nhiêu, bà N hoàn toàn không biết nên không có nghĩa vụ phải hoàn trả lại cho ông D bất cứ khoản tiền gì.

* Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và trình bày thêm như sau: Bà N xác định mâu thuẫn vợ chồng nhiều năm, vợ chồng bà đã sống ly thân nhiều năm nay, bà thấy không thể kéo dài tình trạng hôn nhân thêm được nữa. Nay bà N xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông D nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về số tiền 17.000.000đ ông D trình bày, bà N xác định không biết tiền này là tiền gì? Ông D có bán xe hay không? bán bao nhiêu? Sử dụng để làm gì bà N không biết, bà N không nhận của ông D bất cứ khoản nào. Do đó, bà N không có nghĩa vụ đối với yêu cầu của ông D.

*Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, phía bị đơn là ông Hồ Tín Phước D trình bày:

Ông D và bà N là vợ chồng hợp pháp với nhau theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 93/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03/5/2012;Tôi thừa nhận giữa hai vợ chồng chúng tôi có phát sinh mẫu thuẫn nguyên nhân mẫu thuẫn về mặt tình cảm. Nay ông D xác định yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng chung sống được 01 con chung tên Hồ Hoàng T, sinh ngày 18/03/2012. Do không có việc làm ổn định nên không có khả năng cấp dưỡng, đồng ý giao con cho bà N nuôi, ông D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng về số tiền 17.000.000đ mà ông D yêu cầu bà N hoàn trả đây là tiền riêng của ông D. Số tiền này là do ông D bán xe honda được 17.000.000đ, ông D là người trực tiếp nhận tiền. Sau đó, ông D đưa số tiền này cho bà N mua xe khác, đề nghị bà N hoàn trả lại số tiền này cho ông.

* Tại phiên tòa ông D đồng ý ly hôn với bà N và giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông D không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Về số tiền 17.000.000đ ông D cho rằng, đây là số tiền ông D đã bán chiếc xe honda @, ông D không nhớ biển kiểm soát, ông D là người trực tiếp bán chiếc xe nêu trên và trực tiếp nhận tiền, sau đó ông D đưa tiền cho bà N mua lại chiếc xe khác hiệu Yamaha năm 2015, xe này do bà N đứng tên chủ xe. Đến năm 2018 bà N bán chiếc xe nêu trên, ông D không biết. Nay ông yêu cầu bà N giao trả lại cho ông D số tiền 17.000.000đ, trả trong thời hạn 01 năm để ông có điều kiện mua phương tiện khác sinh hoạt. Ông D xác định đến hôm nay ông vẫn không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án để chứng minh yêu cầu của ông về việc giao tiền cho bà N mua xe Yamaha và bà N đã bán xe sử dụng số tiền nêu trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 về việc giải quyết vụ án như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng trình tự tố tụng của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Cẩm N khởi kiện yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông Hồ Tín Phước D. Giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn. Ông D thừa nhận giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồ Hoàng T, sinh ngày 18/03/2012 và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con, ông D đồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi, ý kiến của trẻ Thiên có nguyện vọng ở với bà N, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết giao trẻ Thiên cho bà N

được trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Đối với yêu cầu của ông D về việc yêu cầu Tòa án buộc bà N trả lại cho ông D số tiền 17.000.000đ bà N đang giữ, là tiền bán chiếc xe honda là tài sản cá nhân của ông D. Tuy nhiên, ông D không có bất cứ chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa án, để chứng minh cho yêu cầu này của ông, bà N không thừa nhận đang giữ số tiền 17.000.000đ của ông D. Do đó, viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

Bà Huỳnh Thị Cẩm N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với ông Hồ Tín Phước D. Tại thời điểm bà N khởi kiện thì ông Hồ Tín Phước D đang cư trú tại Quận 11. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Huỳnh Thị Cẩm N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Hồ Tín Phước D với lý do vợ chồng mâu thuẫn và bất đồng trong cuộc sống. Bà N và ông D không hợp nhau và có nhiều khác biệt trong lối sống, suy nghĩ. Dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N xác định không còn tình cảm với ông D nên xin được ly hôn. Xét thấy, giữa bà N và ông D có phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn này đã được bà N, ông D thừa nhận. Việc bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông D với lý do giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được là có cơ sở. Căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về yêu cầu giải quyết nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông D đồng ý giao con chung Hồ Hoàng T, sinh ngày 18/03/2012 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng trẻ Thiên cũng như thống nhất với yêu cầu của bà N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về tài sản chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong phần quyết định.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong phần quyết định.

[3]. Xét ý kiến của bị đơn:

* Xét ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Ông D thừa nhận giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn về mặt tình cảm, ông D xác định không còn tình cảm với bà N nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của ông D có cơ sở xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông D đồng ý giao con chung Hồ Hoàng T, sinh ngày 18/03/2012 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng trẻ Thiên cũng như thống nhất với yêu cầu của bà N.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong phần quyết định.

* Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

Ông Hồ Tín Phước D có đơn yêu cầu phản tố với nội dung đề nghị Tòa án buộc bà N trả lại cho ông D số tiền 17.000.000đ bà N đang giữ, là tiền bán chiếc xe honda là tài sản cá nhân của ông D. Tuy nhiên ông D không có bất cứ chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa án, để chứng minh cho yêu cầu này của ông. Ngoài ra, bà N không thừa nhận đang giữ số tiền 17.000.000đ của ông D. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông D.

[4]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Huỳnh Thị Cẩm N được ly hôn với ông Hồ Tín Phước D, giao con chung tên Hồ Hoàng T, sinh ngày 18/03/2012 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng trẻ Thiên cũng như thống nhất với yêu cầu của bà N. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của bị đơn buộc bà N trả lại số tiền 17.000.000đ. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí:

- Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Cẩm N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Ông Hồ Tín Phước D phải chịu án phi dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận theo 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Cẩm N:

Bà Huỳnh Thị Cẩm N được ly hôn với ông Hồ Tín Phước D.

Giấy Chứng nhận kết hôn số 93/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/5/1997 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung Hồ Hoàng T, sinh ngày 18/03/2012 cho bà Huỳnh Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Cẩm N không yêu cầu ông Hồ Tín Phước D cấp dưỡng.

Ông Hồ Tín Phước D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở ông D thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bác yêu cầu phản tố của ông Hồ Tín Phước D về việc yêu cầu bà N trả lại số tiền 17.000.000đ cho ông D.

3. Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị Cẩm N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0009489 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án Hôn nhân và gia đình Quận 11. Bà Huỳnh Thị Cẩm N đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Hồ Tín Phước D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 425.000 đồng (bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0010442 ngày 13/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11. Ông D còn phải nộp án phi dân sự sơ thẩm là 425.000đ.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THAHNGĐ Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hiếu Thuận

XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hiếu Thuận

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THAHNGĐ Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hiếu Thuận

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 26/11/2019, tại phòng nghị án của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Tịnh;

- Ông Nguyễn Minh Phương;

Đã tiến hành nghị án giải quyết Vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 654/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1) Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Cẩm N, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp Long Đ, xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; có mặt

2) Bị đơn: Ông Hồ Tín Phước D, sinh năm 1967; địa chỉ: 26C/2 Lạc Long Q, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ LÀM VIỆC

I. Ý kiến thảo luận của các thành viên Hội đồng xét xử:

Hội thẩm Tịnh:

[1]. Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

Bà Huỳnh Thị Cẩm N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với ông Hồ Tín Phước D. Tại thời điểm bà N khởi kiện thì ông Hồ Tín Phước D đang cư trú tại Quận 11. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Huỳnh Thị Cẩm N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Hồ Tín Phước D với lý do vợ chồng mâu thuẫn và bất đồng trong cuộc sống. Bà N và ông D không hợp nhau và có nhiều khác biệt trong lối sống, suy nghĩ. Dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N xác định không còn tình cảm với ông D nên xin được ly hôn. Xét thấy, giữa bà N và ông D có phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn này đã được bà N, ông D thừa nhận. Việc bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông D với lý do giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được là có cơ sở. Căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về yêu cầu giải quyết nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông D đồng ý giao con chung Hồ Hoàng T, sinh ngày 18/03/2012 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng trẻ Thiên cũng như thống nhất với yêu cầu của bà N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về tài sản chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong phần quyết định.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong phần quyết định.

[3]. Xét ý kiến của bị đơn:

* Xét ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Ông D thừa nhận giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn về mặt tình cảm, ông D xác định không còn tình cảm với bà N nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của ông D có cơ sở xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông D đồng ý giao con chung Hồ Hoàng T, sinh ngày 18/03/2012 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng trẻ Thiên cũng như thống nhất với yêu cầu của bà N.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong phần quyết định.

* Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

Ông Hồ Tín Phước D có đơn yêu cầu phản tố với nội dung đề nghị Tòa án buộc bà N trả lại cho ông D số tiền 17.000.000đ bà N đang giữ, là tiền bán chiếc xe honda là tài sản cá nhân của ông D. Tuy nhiên ông D không có bất cứ chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa án, để chứng minh cho yêu cầu này của ông. Ngoài ra, bà N không thừa nhận đang giữ số tiền 17.000.000đ của ông D. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông D.

[4]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Huỳnh Thị Cẩm N được ly hôn với ông Hồ Tín Phước D, giao con chung tên Hồ Hoàng T, sinh ngày 18/03/2012 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng trẻ Thiên cũng như thống nhất với yêu cầu của bà N. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của bị đơn buộc bà N trả lại số tiền 17.000.000đ. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí:

- Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Cẩm N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Ông Hồ Tín Phước D phải chịu án phi dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận theo 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Hội thẩm Phương: Thống nhất ý kiến của Hội thẩm Tịnh.

Thẩm phán: Thống nhất ý kiến của Hội thẩm Tịnh và Hội thẩm Phương. Các nội dung khác thì xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

II. Phần biểu quyết của Hội đồng xét xử:

Nội dung biểu quyết:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và

Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Cẩm N:

Bà Huỳnh Thị Cẩm N được ly hôn với ông Hồ Tín Phước D.

Giấy Chứng nhận kết hôn số 93/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/5/1997 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung Hồ Hoàng T, sinh ngày 18/03/2012 cho bà Huỳnh Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Cẩm N không yêu cầu ông Hồ Tín Phước D cấp dưỡng.

Ông Hồ Tín Phước D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở ông D thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bác yêu cầu phản tố của ông Hồ Tín Phước D về việc yêu cầu bà N trả lại số tiền 17.000.000đ cho ông D.

3. Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị Cẩm N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0009489 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án Hôn nhân và gia đình Quận 11. Bà Huỳnh Thị Cẩm N đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Hồ Tín Phước D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 425.000 đồng (bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0010442 ngày 13/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11. Ông D còn phải nộp án phi dân sự sơ thẩm là 425.000đ.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên HĐXX thống nhất nội dung đã nêu.

Buổi làm việc kết thúc lúc 11 giờ 15 phút cùng ngày./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hiếu Thuận

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu Thuận

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Tịnh;

- Ông Nguyễn Minh Phương;

Đã tiến hành nghị án giải quyết Vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 654/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1) Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Cẩm N, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp Long Đ, xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; có mặt

2) Bị đơn: Ông Hồ Tín Phước D, sinh năm 1967; địa chỉ: 26C/2 Lạc Long Q, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I- Ý kiến thảo luận của các thành viên trong Hội đồng xét xử.

Hội thẩm Hương: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 phải hoãn phiên tòa.

Hội thẩm Thảo: Thống nhất ý kiến của Hội thẩm Hương

Thẩm phán: Thống nhất ý kiến của các Hội thẩm.

II. Phần biểu quyết:

Hội đồng tiến hành biểu quyết.

Nội dung biểu quyết:

1. Hoãn phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số Vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 654/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn".

2.Thời gian, địa điểm mở lại phiên toà xét xử vụ án được ấn định như sau:

Phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án đã nêu sẽ được mở lại vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử C, lầu 3, trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 (địa chỉ số 172 đường Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh).

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 00 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hiếu Thuận